Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Giáo Dục Hà Nội
Digitally signed by Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Giáo Dục Hà Nội
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Quận Hai Bà Trưng, CN=Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Giáo Dục Hà Nội, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0102222393
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2025.03.18 14:13:41+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2024.4.0

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
C.TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI
Số: .....80... /CV-HEID
V/v: Công bố BCTC hợp nhất năm 2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2025

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
2. Mã chứng khoán: EID
3. Địa chỉ đăng ký kinh doanh: 187B Giảng Võ, P.Cát Linh, Q.Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam
4. Điện thoại: 024.35123939 – Fax: 024.35123838
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Lê Thành Anh (Tổng Giám đốc Công ty – Người Đại diện trước Pháp luật).
6. Nội dung công bố thông tin: Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2024 của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (được lập ngày 14/03/2025)
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: http://www.heid.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:
- Như trên
- HĐQT, BKS, Ban TGĐ, KTT
- Lưu HCQT

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Lê Thành Anh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	05 - 38
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	09 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102222393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 04 năm 2007 và các lần thay đổi, đến nay lần cấp thay đổi gần nhất (lần thứ 4) vào ngày 26 tháng 04 năm 2021 và xác nhận số 174890/23 ngày 08/05/2023 về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Địa chỉ đăng ký kinh doanh của Công ty tại: 187B Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Địa chỉ giao dịch của Công ty tại: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Chí Bính	Chủ tịch
Ông Lê Thành Anh	Ủy viên
Bà Dương Thị Việt Hà	Ủy viên
Ông Nguyễn Duy Hùng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Thành Anh	Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quốc Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Quang Thái	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Hùng	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Lê Thành Anh - Tổng Giám đốc.

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Công Dũng	Trưởng ban
Ông Phan Đức Minh	Thành viên
Bà Tạ Thị Thanh Huyền	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 09 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Lê Thanh Anh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Số: 140325.022/BCTC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội ("Công ty") được lập ngày 14 tháng 03 năm 2025, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2023-002-1

Hoàng Thúy Nga
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0762-2023-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**597.231.337.319**	**563.280.892.569**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**435.963.730.806**	**222.437.786.607**
111	1. Tiền		18.607.491.114	13.437.786.607
112	2. Các khoản tương đương tiền		417.356.239.692	209.000.000.000
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**4**	**30.188.372.362**	**208.303.165.440**
121	1. Chứng khoán kinh doanh		97.000.000	97.276.400
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(90.540.000)	(94.110.960)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		30.181.912.362	208.300.000.000
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**27.389.564.551**	**31.529.406.848**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	31.990.448.466	27.592.762.071
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	10.753.986.633	20.711.457.449
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	3.992.180.959	2.777.988.514
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(19.347.051.507)	(19.552.801.186)
140	**IV. Hàng tồn kho**	**9**	**98.748.508.613**	**95.020.707.013**
141	1. Hàng tồn kho		113.687.324.282	109.171.040.492
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(14.938.815.669)	(14.150.333.479)
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**4.941.160.987**	**5.989.826.661**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	4.544.336.527	5.929.754.098
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		191.708.867	53.658.533
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	205.115.593	6.414.030
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**71.183.638.531**	**73.141.011.743**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**42.000.000**	**381.800.000**
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	42.000.000	381.800.000
220	**II . Tài sản cố định**		**5.922.532.448**	**3.814.815.079**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	5.922.532.448	3.814.815.079
222	*- Nguyên giá*		*15.107.698.108*	*13.986.725.263*
223	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(9.185.165.660)*	*(10.171.910.184)*
230	**III. Bất động sản đầu tư**	**12**	**42.749.941.118**	**46.239.732.218**
231	- Nguyên giá		87.244.777.643	87.244.777.643
232	- Giá trị hao mòn luỹ kế		(44.494.836.525)	(41.005.045.425)
250	**IV. Đầu tư tài chính dài hạn**	**4**	**21.093.696.056**	**21.502.794.586**
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		19.881.196.056	19.290.294.586
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.212.500.000	1.212.500.000
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	1.000.000.000
260	**V. Tài sản dài hạn khác**		**1.375.468.909**	**1.201.869.860**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	1.341.934.369	914.713.367
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30	33.534.540	287.156.493
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**668.414.975.850**	**636.421.904.312**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**207.905.773.199**	**219.802.959.658**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**206.609.094.499**	**218.522.507.858**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	32.448.056.111	48.645.689.187
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		277.773.101	355.437.157
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	7.642.520.666	10.593.319.776
314	4. Phải trả người lao động		52.878.361.660	57.673.645.880
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	68.717.620.562	52.089.003.879
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		167.672.702	1.521.986.103
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	520.746.307	4.211.482.099
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	19.279.648.629	22.674.500.365
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		24.676.694.761	20.757.443.412
330	**II. Nợ dài hạn**		**1.296.678.700**	**1.280.451.800**
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	1.296.678.700	1.280.451.800
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**460.509.202.651**	**416.618.944.654**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	18	**460.509.202.651**	**416.618.944.654**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*150.000.000.000*	*150.000.000.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.934.655.948	1.934.655.948
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		187.387.060.155	152.713.974.967
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		33.897.303.867	30.468.085.782
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		85.166.313.313	79.661.364.628
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*30.260.880.763*	*28.818.463.812*
421b	*- LNST chưa phân phối năm nay*		*54.905.432.550*	*50.842.900.816*
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		2.123.869.368	1.840.863.329
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**668.414.975.850**	**636.421.904.312**

Lương Ngọc Bích	**Nguyễn Thanh Bình**	**Lê Thành Anh**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**	**1.139.938.529.004**	**1.060.704.837.232**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	8.294.215.271	8.028.504.928
10	**3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**1.131.644.313.733**	**1.052.676.332.304**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**22**	**838.613.803.316**	**762.984.849.346**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**293.030.510.417**	**289.691.482.958**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	19.702.697.813	15.046.764.090
22	7. Chi phí tài chính	24	8.794.970.978	4.847.049.519
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*2.271.566.359*	*470.061.212*
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		590.901.470	645.586.086
25	9. Chi phí bán hàng	25	112.558.219.536	112.646.097.253
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	96.027.815.389	98.137.821.810
30	**11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**95.943.103.797**	**89.752.864.552**
31	12. Thu nhập khác	27	699.485.574	198.257.326
32	13. Chi phí khác	28	636.487.048	27.375.669
40	**14. Lợi nhuận khác**		**62.998.526**	**170.881.657**
50	**15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**96.006.102.323**	**89.923.746.209**
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29	20.068.713.624	18.880.093.082
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	30	253.621.953	(808.618.629)
60	**18. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**75.683.766.746**	**71.852.271.756**
61	**19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ**		**75.127.790.179**	**71.553.635.510**
62	**20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát**		**555.976.567**	**298.636.246**
70	**21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**31**	**4.551**	**4.307**

Lương Ngọc Bích
Người lập biểu

Nguyễn Thanh Bình
Kế toán trưởng

Lê Thành Anh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	***1. Lợi nhuận trước thuế***		***96.006.102.323***	***89.923.746.209***
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		4.916.459.276	4.599.311.409
03	- Các khoản dự phòng		579.161.551	(12.068.699.509)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(12.292.007.100)	(9.131.282.337)
06	- Chi phí lãi vay		2.271.566.359	470.061.212
08	***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***		***91.481.282.409***	***73.793.136.984***
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		5.423.572.073	55.695.517.257
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(4.516.283.790)	87.021.583.443
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(12.321.260.302)	26.026.341.121
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		958.196.569	11.184.766.451
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		276.400	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.275.243.795)	(449.718.213)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(20.165.361.958)	(20.127.897.280)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		53.000.000	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.774.257.400)	(4.506.466.632)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***51.863.920.206***	***228.637.263.131***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(3.534.385.545)	(270.468.519)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		468.181.818	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(126.681.912.362)	(208.300.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		305.800.000.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.157.991.818	7.395.288.853
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***186.209.875.729***	***(201.175.179.666)***
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		121.483.603.954	51.090.219.946
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(124.878.455.690)	(28.415.719.581)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(21.153.000.000)	(21.153.000.000)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***(24.547.851.736)***	***1.521.500.365***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**213.525.944.199**	**28.983.583.830**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**222.437.786.607**	**193.454.202.777**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**3**	**435.963.730.806**	**222.437.786.607**

Lương Ngọc Bích	**Nguyễn Thanh Bình**	**Lê Thành Anh**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2024

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102222393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 04 năm 2007 và các lần thay đổi, đến nay lần cấp thay đổi gần nhất (lần thứ 4) vào ngày 26 tháng 04 năm 2021 và xác nhận số 174890/23 ngày 08/05/2023 về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Địa chỉ đăng ký kinh doanh của Công ty tại: 187B Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Địa chỉ giao dịch của Công ty tại: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND, tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 149 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 151 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục.

Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động chính của Công ty và các công ty con là:

- Khai thác đề tài, tổ chức xuất bản các sản phẩm giáo dục (bao gồm cả các sản phẩm số);
- In và phát hành sách giáo khoa, sách bổ trợ sách giáo khoa, sách tham khảo chất lượng cao, các ấn phẩm giáo dục theo hướng đổi mới phương pháp dạy học, tự học và các loại sản phẩm giáo dục khác;
- Kinh doanh các sản phẩm và thiết bị, phần mềm giáo dục, thiết bị giáo dục, các dịch vụ giáo dục, đào tạo; cho thuê văn phòng,...;
- Hợp tác, liên doanh với các cá nhân trong và ngoài nước, các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực xuất bản, in ấn và phát hành sản phẩm giáo dục...
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Đặc điểm hoạt động trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục. Đặc thù ngành nghề kinh doanh này là mang tính thời vụ, các loại sách giáo khoa, sách bổ trợ sách giáo khoa và sách tham khảo chủ yếu được phát hành và phân phối trong giai đoạn Quý II và Quý III hàng năm (là giai đoạn chuẩn bị cho năm học mới).

Giá bìa của các bộ sách giáo khoa (Kết nối tri thức với cuộc sống và Chân trời sáng tạo dùng cho các lớp 1,2,3,4,6,7,8,10,11 thuộc Chương trình giáo dục phổ thông 2018) áp dụng cho năm học 2024-2025 đã được Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam điều chỉnh giảm so với các năm trước đây. Đồng thời, giá của các bộ sách lớp 5,9,12 (thuộc chương trình nêu trên được phát hành năm đầu tiên) cũng được xây dựng theo cơ cấu giá đã tiết giảm. Đối với một số sách khác do Công ty tổ chức in, phát hành cũng được điều chỉnh theo xu hướng giảm nhằm thực hiện chủ trương hạ giá bán cho người tiêu dùng và tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Trong khi đó, chi phí đầu vào trong kỳ không giảm và có xu hướng tăng lên, Công ty vẫn tăng cường các nhiệm vụ chi cho các hoạt động giới thiệu sách và tập huấn sử dụng sách cho người dùng. Vì vậy, mặc dù doanh thu bán hàng năm nay tăng do sản lượng phát hành nhưng tỷ suất lợi nhuận gộp giảm so với năm trước.

Cấu trúc tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Hà Nội	100%	Kinh doanh Bất động sản
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Hà Nội	89,0%	Dịch thuật, biên soạn và kinh doanh thiết bị giáo dục
Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Lạng Sơn	Lạng Sơn	66,0%	Kinh doanh sách, thiết bị trường học

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

2.4 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lãi mua rẻ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm.

2.7 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Trong báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các năm trước, Công ty điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu năm báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các năm trước, Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết phát sinh trong năm, Công ty loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên kết năm báo cáo. Sau đó Công ty điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần

có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm đối với hoạt động kinh doanh sách: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu phát sinh các khoản chi phí sau ghi nhận ban đầu làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

2.11 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 25 năm

2.12 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ được hạch toán riêng; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT, doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm cả doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế không hạch toán riêng được. Đối với thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, Công ty thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán theo tỷ lệ giữa giá vốn hàng bán so với giá vốn hàng bán cộng với giá thành của hàng tồn kho.

Phí bản thảo, phí quản lý xuất bản được ghi nhận căn cứ theo hóa đơn tài chính của nhà xuất bản và được phân bổ vào giá thành căn cứ vào số lượng sách in nhập kho trong năm.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 06 tháng đến 24 tháng.

Chi phí thuê văn phòng chờ phân bổ được ghi vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích ước tính.

2.14 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, trích trước chi phí tổ chức bản thảo, chi phí bản quyền sách; trích trước chi phí tập huấn, giới thiệu sách... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản. Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.19 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.20 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì Công ty ghi giảm doanh thu trên báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì Công ty ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (năm sau).

2.22 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.23 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: chi phí đi vay vốn; chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác,... được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng chủ yếu bao gồm: chi phí lương nhân viên bán hàng, chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ lao động, chi phí khấu hao tài sản cố định dùng cho hoạt động bán hàng, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

2.25 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm: các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

2.26 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty và các công ty con được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.27 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.28 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.29 Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và sách khác, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10%) trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt	2.854.718.613	475.417.582
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.752.772.501	12.962.369.025
Các khoản tương đương tiền (i)	417.356.239.692	209.000.000.000
	435.963.730.806	**222.437.786.607**

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 417.356.239.692 VND được gửi tại các Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành, Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phạm Hùng với lãi suất từ 4,2%/năm đến 4,6%/năm.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	30.181.912.362	-	208.300.000.000	-
	30.181.912.362	**-**	**208.300.000.000**	**-**
Đầu tư dài hạn				
Trái phiếu	-	-	1.000.000.000	-
	-	**-**	**1.000.000.000**	**-**

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có tổng giá trị 30.181.912.362 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh sở giao dịch, Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phạm Hùng với lãi suất từ 4,1%/năm đến 4,6%/năm.

b) Chứng khoán kinh doanh

	Mã CK	31/12/2024			01/01/2024		
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu chưa niêm yết		**97.000.000**	**6.460.000**	**(90.540.000)**	**97.000.000**	**3.100.000**	**(93.900.000)**
- Công ty CP Sông Đà - Thăng Long	STL	74.600.000	1.500.000	(73.100.000)	74.600.000	1.500.000	(73.100.000)
- Công ty CP Hồng Hà Việt Nam	PHH	22.400.000	4.960.000	(17.440.000)	22.400.000	1.600.000	(20.800.000)
Cổ phiếu đã niêm yết							
- Công ty CP Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh	QNC	-	-	-	276.400	65.440	(210.960)
		97.000.000	**6.460.000**	**(90.540.000)**	**97.276.400**	**3.165.440**	**(94.110.960)**

Giá trị hợp lý của các cổ phiếu chưa niêm yết đang giao dịch trên sàn chứng khoán UPCOM được xác định theo giá bình quân của cổ phiếu trên hệ thống, giá hợp lý của các cổ phiếu đã niêm yết được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán HNX tại ngày 29 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2024.

c) Đầu tư vào công ty liên kết

	Địa chỉ	31/12/2024		01/01/2024	
		Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
		%	VND	%	VND
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	Hà Nội	46,34	19.881.196.056	46,34	19.290.294.586
			19.881.196.056		**19.290.294.586**

Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây ("HTEC") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500235786 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 04 năm 2006 và cấp thay đổi lần gần nhất (lần 4) vào ngày 12 tháng 05 năm 2023. Vốn điều lệ của HTEC là 20.500.000.000 VND. Hoạt động kinh doanh chính của công ty là: kinh doanh sách giáo khoa; sản xuất kinh doanh thiết bị đồ dùng dạy học và đồ dùng gia đình; in ấn và phát hành các xuất bản phẩm giáo dục, văn hóa; cho thuê văn phòng, mua bán đại lý các xuất bản phẩm, văn hóa phẩm.

d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Mã CK	31/12/2024		01/01/2024	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	EPH	1.212.500.000	-	1.212.500.000	-
		1.212.500.000	**-**	**1.212.500.000**	**-**

Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội ("EPH") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103488607 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 03 năm 2009. Vốn điều lệ của EPH là 25.000.000.000 VND. Trụ sở chính của EPH tại: Tầng 4, tòa nhà Diamond Flower, số 48 phố Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của EPH là: tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa chế bản sách. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty tại EPH là 4,85%.

Do khoản đầu tư có ít giao dịch trên thị trường nên Công ty không xác định giá trị hợp lý theo giá giao dịch trên thị trường đối với khoản đầu tư nêu trên.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	***14.633.860.861***	***(1.014.716.400)***	***4.084.596.265***	***(1.131.867.480)***
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	2.145.332.462	(1.014.716.400)	2.702.903.781	(1.131.867.480)
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	12.488.528.399	-	2.607.799	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng	-	-	208.981.825	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	-	-	860.574.121	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	-	-	309.528.739	-
Bên khác	***17.356.587.605***	***(13.505.383.042)***	***23.508.165.806***	***(13.234.981.641)***
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Sơn La	9.825.764.612	(9.825.764.612)	9.827.532.512	(9.827.532.512)
Các khách hàng khác	7.530.822.993	(3.679.618.430)	13.680.633.294	(3.407.449.129)
	31.990.448.466	**(14.520.099.442)**	**27.592.762.071**	**(14.366.849.121)**

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	***1.621.200.000***	***-***	***1.621.200.000***	***-***
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	1.621.200.000	-	1.621.200.000	-
Bên khác	***9.132.786.633***	***(4.826.952.065)***	***19.090.257.449***	***(5.185.952.065)***
Nhà Máy in Bộ quốc phòng	-	-	2.685.105.401	-
Công ty TNHH Dịch vụ sách Nam An	4.826.952.065	(4.826.952.065)	5.185.952.065	(5.185.952.065)
Công ty TNHH in Bao bì Hà Nội	-	-	2.909.275.900	-
Công ty CP in Hà Nội	-	-	3.066.509.836	-
Các người bán khác	4.305.834.568	-	5.243.414.247	-
	10.753.986.633	**(4.826.952.065)**	**20.711.457.449**	**(5.185.952.065)**

7 PHẢI THU KHÁC

		31/12/2024		01/01/2024	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
a)	**Ngắn hạn**				
	Phải thu về lãi tiền gửi	2.715.958.569	-	1.641.026.575	-
	Phải thu về tạm ứng	654.450.527	-	489.050.527	-
	Ký cược, ký quỹ	265.989.640	-	302.911.400	-
	Phải thu khác	355.782.223	-	345.000.012	-
		3.992.180.959	**-**	**2.777.988.514**	**-**
b)	**Dài hạn**				
	Ký cược, ký quỹ	42.000.000	-	381.800.000	-
		42.000.000	**-**	**381.800.000**	**-**

8 NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	1.014.716.400	-	1.131.867.480	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Sơn La	9.825.764.612	-	9.827.532.512	-
Công ty TNHH Dịch vụ Sách Nam An	4.826.952.065	-	5.185.952.065	-
Các đối tượng khác	3.679.618.430	-	3.731.449.129	324.000.000
	19.347.051.507	**-**	**19.876.801.186**	**324.000.000**

Giá trị có thể thu hồi nêu trên được xác định bằng giá gốc trừ đi phần dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập cho các đối tượng phải thu này. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang thực hiện các biện pháp nhằm thu hồi toàn bộ các khoản nợ phải thu khó đòi này.

9 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	16.208.640	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	23.393.189.687	(368.004.990)	48.129.299.606	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.157.754.724	-	3.929.956.132	-
Thành phẩm	32.596.482.165	(8.136.503.387)	26.697.589.166	(10.216.612.449)
Hàng hoá	53.252.439.695	(5.313.251.052)	26.403.209.427	(2.835.875.255)
Hàng gửi đi bán	2.271.249.371	(1.121.056.240)	4.010.986.161	(1.097.845.775)
	113.687.324.282	**(14.938.815.669)**	**109.171.040.492**	**(14.150.333.479)**

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

		31/12/2024	01/01/2024
		VND	VND
a)	**Ngắn hạn**		
	Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ	1.719.580.849	2.156.784.223
	Chi phí thuê cửa hàng, thuê kho chờ phân bổ	2.728.581.818	3.558.127.273
	Công cụ dụng cụ xuất dùng	96.173.860	206.925.935
	Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	7.916.667
		4.544.336.527	**5.929.754.098**
b)	**Dài hạn**		
	Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.276.174.934	849.445.367
	Chi phí mua bản quyền in sách	65.759.435	65.268.000
		1.341.934.369	**914.713.367**

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền	Thiết bị, dụng cụ quản lý	**Cộng**
	VND	VND	VND	**VND**
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	351.270.739	11.761.003.222	1.874.451.302	13.986.725.263
Mua trong năm	-	3.465.840.091	68.545.454	3.534.385.545
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.413.412.700)	-	(2.413.412.700)
Số dư cuối năm	**351.270.739**	**12.813.430.613**	**1.942.996.756**	**15.107.698.108**
Giá trị hao mòn luỹ kế				
Số dư đầu năm	351.270.739	8.303.507.930	1.517.131.515	10.171.910.184
Khấu hao trong năm	-	1.169.921.358	256.746.818	1.426.668.176
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.413.412.700)	-	(2.413.412.700)
Số dư cuối năm	**351.270.739**	**7.060.016.588**	**1.773.878.333**	**9.185.165.660**
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	-	3.457.495.292	357.319.787	3.814.815.079
Tại ngày cuối năm	**-**	**5.753.414.025**	**169.118.423**	**5.922.532.448**

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 6.187.092.428 VND (tại ngày tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 8.221.150.946 VND).

12 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là Tòa nhà Văn phòng HEID tại K3B ngõ 12, Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, có Nguyên giá là 87.244.777.643 VND; Hao mòn lũy kế là 44.494.836.525 VND; khấu hao trong năm là 3.489.791.100 VND.

Bất động sản đầu tư này đang được sử dụng để kinh doanh cho thuê văn phòng và được dùng để đảm bảo cho Hợp đồng vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (Thuyết minh 17 (ii)).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2024. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	***3.382.327.589***	***3.382.327.589***	***13.494.145.545***	***13.494.145.545***
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	3.103.218.724	3.103.218.724	10.265.255.493	10.265.255.493
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	279.108.865	279.108.865	2.126.276.501	2.126.276.501
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	-	-	1.102.613.551	1.102.613.551
Bên khác	***29.065.728.522***	***29.065.728.522***	***35.151.543.642***	***35.151.543.642***
Các người bán khác	29.065.728.522	29.065.728.522	35.151.543.642	35.151.543.642
	32.448.056.111	**32.448.056.111**	**48.645.689.187**	**48.645.689.187**

14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.571.030	1.496.539.298	3.567.640.376	4.030.965.545	-	1.031.643.099
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5.849.648.826	20.068.713.624	20.165.361.958	-	5.753.000.492
Thuế thu nhập cá nhân	-	3.247.131.649	17.476.840.678	20.066.367.848	200.272.593	857.877.072
Các loại thuế khác	4.843.000	3	501.997.444	501.997.444	4.843.000	3
	6.414.030	**10.593.319.776**	**41.615.192.122**	**44.764.692.795**	**205.115.593**	**7.642.520.666**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí lãi vay	16.665.563	20.342.999
Trích trước chi phí tổ chức bản thảo	1.544.466.557	4.386.498.640
Trích trước chi phí bản quyền và dịch sách	24.711.743.657	29.453.917.228
Chi phí phải trả nhà cung cấp	31.268.587.584	5.818.888.905
Chi phí phải trả khác	11.176.157.201	12.409.356.107
	68.717.620.562	**52.089.003.879**

16 PHẢI TRẢ KHÁC

		31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a)	**Ngắn hạn**		
	Kinh phí công đoàn	53.692.119	1.002.685.560
	Bảo hiểm xã hội	4.306.823	4.306.823
	Bảo hiểm y tế	760.028	760.028
	Bảo hiểm thất nghiệp	337.790	337.790
	Tiền thuế thu nhập cá nhân thu của người lao động	-	2.018.779.431
	Các khoản phải trả, phải nộp khác	461.649.547	1.184.612.467
		520.746.307	**4.211.482.099**
b)	**Dài hạn**		
	Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.296.678.700	1.280.451.800
		1.296.678.700	**1.280.451.800**

17 VAY NGẮN HẠN

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam (i)	22.674.500.365	22.674.500.365	73.871.922.395	79.943.365.279	16.603.057.481	16.603.057.481
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	-	-	47.611.681.559	44.935.090.411	2.676.591.148	2.676.591.148
	22.674.500.365	**22.674.500.365**	**121.483.603.954**	**124.878.455.690**	**19.279.648.629**	**19.279.648.629**

(i) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam theo Hợp đồng gia hạn, sửa đổi bổ sung hợp đồng số SHBHNC/HĐTD/790500000429/05 ngày 20 tháng 05 năm 2024 với hạn mức tín dụng 70 tỷ VND; thời hạn vay đến ngày 19 tháng 05 năm 2025 và được quy định cụ thể tại từng đơn rút vốn vay kiêm khế ước nhận nợ; lãi vay thả nổi theo từng khế ước; mục đích vay để đảm bảo nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh; hình thức bảo đảm cho khoản vay là khoản phải thu luân chuyển có giá trị tối thiểu 50 tỷ VND và tài khoản tiền gửi mở tại Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam với tổng giá trị tối thiểu 15 tỷ VND.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng số 01/2024-HĐCVHM/NHCT106-HEID ngày 20 tháng 05 năm 2024 với Hạn mức tín dụng 150 tỷ VND; thời hạn vay 01 năm và được quy định cụ thể tại từng đơn rút vốn vay kiêm khế ước nhận nợ; lãi vay thả nổi theo từng khế ước; mục đích vay để đảm bảo nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh; khoản vay được bảo đảm bằng tài sản là tòa nhà Văn phòng HEID tại K3B ngõ 12, Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Khoản vay nêu trên đã được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp/cầm cố với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

18 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	**VND**
Số dư đầu năm trước	**150.000.000.000**	**1.934.655.948**	**118.363.948.495**	**26.992.414.851**	**77.527.331.060**	**1.781.201.619**	**376.599.551.973**
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	71.553.635.510	298.636.246	71.852.271.756
Chia cổ tức	-	-	-	-	(21.000.000.000)	(153.000.000)	(21.153.000.000)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	27.398.684.609	-	(27.398.684.609)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi tại công ty con	-	-	-	-	(166.891.746)	(85.974.536)	(252.866.282)
Trích quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2023	-	-	6.951.341.863	3.475.670.931	(10.427.012.794)	-	-
Trích lập Quỹ khen thưởng	-	-	-	-	(3.475.670.931)	-	(3.475.670.931)
Trích lập Quỹ phúc lợi	-	-	-	-	(3.475.670.931)	-	(3.475.670.931)
Trích lập Quỹ điều hành	-	-	-	-	(3.475.670.931)	-	(3.475.670.931)
Số dư cuối năm trước	**150.000.000.000**	**1.934.655.948**	**152.713.974.967**	**30.468.085.782**	**79.661.364.628**	**1.840.863.329**	**416.618.944.654**
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	75.127.790.179	555.976.567	75.683.766.746
Chia cổ tức	-	-	-	-	(21.000.000.000)	(153.000.000)	(21.153.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	27.814.649.019	-	(27.814.649.019)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi tại công ty con	-	-	-	-	(232.883.966)	(119.970.528)	(352.854.494)
Tạm trích lập các quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2024	-	-	6.858.436.169	3.429.218.085	(10.287.654.254)	-	-
Tạm trích lập Quỹ khen thưởng theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2024	-	-	-	-	(3.429.218.085)	-	(3.429.218.085)
Tạm trích lập Quỹ phúc lợi theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2024	-	-	-	-	(3.429.218.085)	-	(3.429.218.085)
Tạm trích lập Quỹ điều hành theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2024	-	-	-	-	(3.429.218.085)	-	(3.429.218.085)
Số dư cuối năm nay	**150.000.000.000**	**1.934.655.948**	**187.387.060.155**	**33.897.303.867**	**85.166.313.313**	**2.123.869.368**	**460.509.202.651**

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 04 năm 2024, Công ty mẹ thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2023 trên Báo cáo tài chính riêng		**69.513.418.628**
Đã phân phối trong năm 2023 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2023 như sau:		20.854.025.587
- *Trích Quỹ đầu tư phát triển*	*10%*	*6.951.341.863*
- *Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*	*5%*	*3.475.670.931*
- *Trích quỹ khen thưởng*	*5%*	*3.475.670.931*
- *Trích quỹ phúc lợi*	*5%*	*3.475.670.931*
- *Trích quỹ điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát*	*5%*	*3.475.670.931*
Phân phối phần lợi nhuận năm 2023 còn lại trong năm		48.659.393.041
- *Trích quỹ đầu tư phát triển*	*40%*	*27.659.393.041*
- *Chi trả cổ tức*	*14% vốn điều lệ*	*21.000.000.000*
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại		-

Các công ty con thực hiện phân phối lợi nhuận như sau:

	Phân phối tại công ty con		
	Tổng cộng	Phần thuộc về công ty mẹ	Phần thuộc về cổ đông không kiểm soát
	VND	VND	VND
Trích quỹ đầu tư phát triển	155.255.978	155.255.978	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	352.854.494	232.883.966	119.970.528
Chia cổ tức	153.000.000	-	153.000.000

Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2024 căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 04 năm 2024:

	Tỷ lệ	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2024 trên Báo cáo tài chính riêng		**67.489.832.074**
Đã tạm phân phối như sau:		20.575.308.509
- *Trích Quỹ đầu tư phát triển*	*10%*	*6.858.436.169*
- *Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*	*5%*	*3.429.218.085*
- *Trích quỹ khen thưởng*	*5%*	*3.429.218.085*
- *Trích quỹ phúc lợi*	*5%*	*3.429.218.085*
- *Trích Quỹ điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát*	*5%*	*3.429.218.085*
Lợi nhuận năm 2024 còn lại chưa phân phối		46.914.523.565

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2024 VND	Tỷ lệ	01/01/2024 VND	Tỷ lệ
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	60.246.000.000	40,16%	60.246.000.000	40,16%
Lê Xuân Lương	20.487.000.000	13,66%	12.040.000.000	8,03%
Dennis Peter Eric	8.433.000.000	5,62%	8.433.000.000	5,62%
Các cổ đông khác	60.834.000.000	40,56%	69.281.000.000	46,19%
Cộng	**150.000.000.000**	**100%**	**150.000.000.000**	**100%**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	14.000.000	14.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	21.153.000.000	21.153.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	*21.153.000.000*	*21.153.000.000*
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả trong năm	21.153.000.000	21.153.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	*21.153.000.000*	*21.153.000.000*
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	14.000.000	14.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*15.000.000*	*15.000.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*15.000.000*	*15.000.000*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	187.387.060.155	152.713.974.967
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	33.897.303.867	30.468.085.782
	221.284.364.022	**183.182.060.749**

19 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng cho thuê hoạt động không được hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Từ 1 năm trở xuống	5.839.862.727	4.711.546.909
Từ 1 năm đến 5 năm	6.160.618.727	8.880.840.955

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty mẹ và các công ty con có thuê địa điểm làm văn phòng, cửa hàng và các nhà kho theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Từ 1 năm trở xuống	1.523.236.364	6.516.768.601
Từ 1 năm đến 5 năm	1.296.000.000	3.032.281.819

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Nợ khó đòi đã xử lý	3.601.087.801	3.601.087.801

20 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán sách giáo khoa nhập mua	464.527.958.575	350.305.860.928
Doanh thu xuất bản phẩm khác, doanh thu khác	668.102.486.728	703.587.317.740
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng	7.308.083.701	6.811.658.564
	1.139.938.529.004	**1.060.704.837.232**
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)	280.698.902.444	224.561.495.477

21 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chiết khấu thương mại	8.257.725.189	5.597.488.956
Hàng bán bị trả lại	36.490.082	2.431.015.972
	8.294.215.271	**8.028.504.928**

22 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn bán sách giáo khoa nhập mua	430.600.601.296	325.944.380.303
Giá vốn xuất bản phẩm khác, giá vốn khác	405.141.119.492	444.557.210.215
Giá vốn của dịch vụ cho thuê văn phòng	2.083.600.338	3.900.938.785
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	788.482.190	(11.417.679.957)
	838.613.803.316	**762.984.849.346**
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)	612.552.194.333	497.453.976.066

23 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.840.298.812	7.200.196.250
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.392.625.000	1.285.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	288.386.005	23.636.834
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	8.174.699.746	6.537.431.006
Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.688.250	-
	19.702.697.813	**15.046.764.090**
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)	1.392.625.000	1.285.500.000

24 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền vay	2.271.566.359	470.061.212
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	5.859.014.412	4.345.263.875
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	667.728.159	28.923.857
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(3.347.360)	2.792.560
Chi phí tài chính khác	9.408	8.015
	8.794.970.978	**4.847.049.519**

25 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	50.667.285	68.584.771
Chi phí nhân công	57.231.081.267	51.545.752.271
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.885.941.522	566.131.329
Chi phí khấu hao tài sản cố định	123.175.080	123.175.080
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.456.418.818	31.413.858.861
Chi phí khác bằng tiền	22.810.935.564	28.928.594.941
	112.558.219.536	**112.646.097.253**

26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	209.863.993
Chi phí nhân công	41.534.629.453	47.177.582.680
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.062.857.073	851.181.032
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.303.493.096	986.345.229
Thuế, phí và lệ phí	744.954.052	579.566.413
Hoàn nhập dự phòng	(205.749.679)	(653.812.112)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.299.515.860	31.223.710.862
Chi phí khác bằng tiền	20.288.115.534	17.763.383.713
	96.027.815.389	**98.137.821.810**
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)	2.603.394.546	2.664.437.464

27 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	468.181.818	-
Thu nhập khác	231.303.756	198.257.326
	699.485.574	**198.257.326**

28 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Các khoản bị phạt hành chính, thuế	636.198.034	4.736.090
Các khoản khác	289.014	22.639.579
	636.487.048	**27.375.669**

29 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại công ty mẹ	17.836.904.767	17.472.237.445
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các công ty con	2.231.808.857	1.407.855.637
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	**20.068.713.624**	**18.880.093.082**

30 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản Thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	33.534.540	287.156.493
	33.534.540	**287.156.493**

b) Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	287.156.493	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(33.534.540)	(287.156.493)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(521.462.136)
	253.621.953	**(808.618.629)**

31 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	75.127.790.179	71.553.635.510
Các khoản điều chỉnh	6.858.436.170	6.951.341.862
- *Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành*	*6.858.436.170*	*6.951.341.862*
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	68.269.354.009	64.602.293.648
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**4.551**	**4.307**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

32 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	122.128.145.204	121.223.171.432
Chi phí nhân công	98.765.710.720	98.906.532.276
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	2.948.798.595	4.068.440.169
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.916.459.276	4.599.311.409
Thuế, phí và lệ phí	747.194.178	579.566.413
Chi phí dự phòng	(205.749.679)	(653.812.112)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	204.110.559.406	204.238.839.964
Chi phí khác bằng tiền	55.656.973.029	46.992.861.566
	489.068.090.729	**479.954.911.117**

33 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

Toàn bộ số tiền vay nhận được phản ánh trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là tiền thực thu từ đi vay theo khế ước thông thường.

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Toàn bộ số tiền vay đã trả trong năm phản ánh trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là tiền thực trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường.

34 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

35 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể, công ty mẹ của Tập đoàn
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	Công ty liên kết
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn (i)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Điện Biên	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Cùng Tập đoàn (i)
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, những người quản lý khác của Công ty	Thành viên quản lý chủ chốt của Công ty

(i) Các đơn vị trực thuộc hoặc công ty con, công ty liên kết của Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng	**280.698.902.444**	**224.561.495.477**
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	12.767.502.012	12.910.001.562
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	116.361.683.333	95.446.784.571
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	38.248.946.003	9.901.829.128
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	37.660.018.042	30.946.871.509
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	48.387.050.199	44.878.513.601
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	416.210.668	153.654.190
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	7.767.249.128	7.161.361.014
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	13.810.723.095	14.475.587.400
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	819.549.343	643.401.540
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	793.921.837	2.759.052.503
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	-	9.152.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội	-	6.820.000
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Điện Biên	3.666.048.784	5.202.653.914
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	-	65.812.545
Mua hàng hóa, dịch vụ	**612.552.194.333**	**497.453.976.066**
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	28.187.952.106	13.633.878.388
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	563.298.404.195	445.042.204.554
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	499.900.345	3.157.984.008
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	6.786.000	3.281.259.185
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	8.971.699.674	16.632.867.518
Công ty CP Sách Dân tộc	122.880.000	2.571.997.825
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học thành phố Hồ Chí Minh	276.373.329	484.651.347
Công ty CP In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	895.499.905	860.554.857
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	3.082.875.987	4.020.893.938
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	314.294.999	592.406.742
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	1.401.596.460	730.002.240
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	21.049.000	45.672.920
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	84.309.390	471.869.261
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	52.794.683	890.714.213
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	4.902.252.720	4.513.637.280
Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội	433.525.540	523.381.790

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí dịch vụ thuê kho, thuê địa điểm	**2.603.394.546**	**2.664.437.464**
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	648.000.000	1.003.500.001
Công ty CP In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	1.955.394.546	1.660.937.463
Cổ tức đã trả	**8.434.440.000**	**8.443.400.000**
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	8.434.440.000	8.434.440.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	8.960.000	8.960.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	**1.392.625.000**	**1.285.500.000**
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	157.625.000	145.500.000
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	1.235.000.000	1.140.000.000

Các điều kiện và điều khoản của giao dịch với bên liên quan

Các giao dịch với Công ty TNHH Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam ("NXBGDVN") chủ yếu là thực hiện hợp đồng mua bán SGK, SBT và các sản phẩm giáo dục theo chương trình giáo dục phổ thông. Theo hợp đồng, Công ty có kế hoạch đặt hàng, giao nhận hàng theo các đơn đặt hàng. Giá hợp đồng được căn cứ theo giá bìa của các bộ sách tương ứng. Theo hợp đồng, chi phí trong khâu lưu thông gồm phí về triển khai thị trường và phí phát hành, NXBGDVN khoán mức chi cho các công việc này theo mức cụ thể được quy định trong hợp đồng và Công ty có trách nhiệm thực hiện các công việc giới thiệu, tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng sản phẩm và các công việc liên quan đến phát hành, mức chi không được vượt quá mức quy định của NXBGDVN. Thời hạn thanh toán cho NXBGDVN thông thường là 80 ngày kể từ mốc thanh toán được quy định cụ thể cho từng bộ sách.

Điều khoản quy định tại hợp đồng (Kế hoạch đặt hàng, giá bán, cơ chế thanh toán, thưởng, phạt...): theo văn bản, quy định của NXBGDVN.

Tiến độ cung ứng hàng hóa thực tế (đồng bộ, tiến độ...): theo thực hiện của NXBGDVN.

Đối với các giao dịch còn lại với các bên liên quan khác được thực hiện theo các mức giá và các điều khoản như các giao dịch thông thường được ghi nhận trên hợp đồng.

Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát như sau:

	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Nguyễn Chí Bính	Chủ tịch HĐQT (i)	133.333.332	133.333.332
Ông Lê Thành Anh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	133.333.332	133.333.332
Bà Dương Thị Việt Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	106.666.668	106.666.668
Nguyễn Thị Ngọc Linh	Thành viên HĐQT	106.666.668	74.074.075
Ông Nguyễn Duy Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	106.666.668	106.666.668
Ông Nguyễn Công Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát	66.666.668	66.666.668
Ông Phan Đức Minh	Thành viên Ban Kiểm soát	40.000.000	40.000.000
Bà Tạ Thị Thanh Huyền	Thành viên Ban Kiểm soát	40.000.000	40.000.000

(i) Công ty chuyển khoản thù lao này vào tài khoản của Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam ("NXBGDVN") căn cứ Điều 12 Quy chế hoạt động của Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của NXBGDVN đầu tư vào doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 715/QĐ-NXBGDVN ngày 29 tháng 12 năm 2023 của NXBGDVN.

Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng như sau:

	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Lê Thành Anh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	686.160.000	632.774.363
Bà Dương Thị Việt Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	593.094.000	538.055.864
Ông Nguyễn Duy Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	519.824.000	494.672.816
Ông Phạm Quốc Cường	Phó Tổng giám đốc	517.921.000	489.602.816
Ông Vũ Quang Thái	Phó Tổng giám đốc	558.280.000	498.776.816
Bà Nguyễn Thanh Bình	Kế toán trưởng	549.677.000	512.837.816

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

36 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Lương Ngọc Bích	**Nguyễn Thanh Bình**	**Lê Thành Anh**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2025